

Bản án số: 04/2025/HNGĐ- ST  
Ngày: 04-02-2025  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thành Phước
2. Bà Phạm Thị Thu Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:***  
Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 379/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lê Thị B, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:** Anh Dương Văn C, sinh năm 1983; Nơi cư trú: ấp Tân Thuận, xã Tân Bình, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Chị B xin vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2024 cũng như trong quá trình tố tụng chị Lê Thị B trình bày:***

Chị và anh C tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B vào ngày 07/6/2011. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly hôn từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh C có 02 con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 24/3/2012 và Dương Gia B1, sinh ngày 04/7/2014. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có

***Anh Dương Văn C vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.***

***Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 27/12/2024 cháu Dương Gia H trình bày:*** Hiện cháu đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

***Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 27/12/2024 cháu Dương Gia B1 trình bày:*** Hiện cháu đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:***

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh C cụ thể:

+ Về hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Dương Văn C được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 24/3/2012 và Dương Gia B1, sinh ngày 04/7/2014, anh Dương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Chị Lê Thị B khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Lê Thị B khai không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024 của chị Lê Thị B đối với anh Dương Văn C thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

## Mỏ Cà Bắc.

Anh Dương Văn C có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nH dân huyện Mỏ Cà Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh C đến để tham gia phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B và anh C là phù hợp.

### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

2.1 Về hôn nhân: Chị Lê Thị B và anh Dương Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2011 tại UBND xã T, huyện B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị B không hạnh phúc nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị B là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ chị B và anh C đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh C là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Lê Thị B và anh Dương Văn C có 02 con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 24/3/2012 và Dương Gia B1, sinh ngày 04/7/2014. Hiện cháu H và cháu B1 đang sống với chị B, cháu H và cháu B1 có nguyện vọng sống chung với chị B, đồng thời chị B cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh C cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị B. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu H và cháu B1 không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu H và cháu B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị B yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con, anh C không có ý kiến, Hội đồng xét xử thấy rằng: yêu cầu của chị B là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nH dân Tối cao nên được chấp nhận. Do đó, anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi cháu H và cháu B1 đủ 18 tuổi.

2.3 Về tài sản chung: Chị Lê Thị B khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị Lê Thị B khai không có nên không xem xét giải quyết.

### **[3] Về án phí:**

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Lê Thị B phải có nghĩa vụ nộp.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng anh Dương Văn C có nghĩa vụ nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị B đối với anh Dương Văn C, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nH: Chị Lê Thị B và anh Dương Văn C được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Gia H, sinh ngày 24/3/2012 và Dương Gia B1, sinh ngày 04/7/2014 anh Dương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Dương Văn C được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị B khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị B khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nH gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Lê Thị B có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006669 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng anh Dương Văn C có nghĩa vụ nộp.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày

Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã T (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**

**CÁC HỘI THẨM NH DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thu Vân   Phan Thành Phước**

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**

